TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2024/HNGĐ-TLST ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989

Nơi thường trú: xóm Đ, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Hà Văn K, sinh năm 1989

Nơi thường trú: xóm Đ, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, chỗ ở: xóm K, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 88, 89,116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 31 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Hà Văn K

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Hà Văn K xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn

2.2 Về con chung: Giữa chị T và anh K có 01 con chung là Hà Thị Thu Tr, sinh ngày 12/5/2011. Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung Hà Thị Thu Tr, sinh ngày 12/5/2011 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn K thống nhất thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Hà Thị Thu Tr, sinh ngày 12/5/2011 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là tháng 02/2024.

Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng anh Hà Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con qua tài khoản số 101872899xxx chủ tài khoản Nguyễn Thanh T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Anh Hà Văn K có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự thống nhất không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án, trong trường hợp anh K chậm thanh toán chị T có quyền yêu cầu anh K chịu lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3 Về con riêng: Chị T và anh K cùng thống nhất xác định cháu dự định đặt tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 10/01/20xx theo Giấy chứng sinh số 00000xx/23 quyển số 23 của Bệnh viện G ngày 15/01/20xx (Theo Phiếu kết quả phân tích ADN số ADN số No.: 23050xx ngày 30/01/20xx của Công ty X) không phải là con chung của chị Nguyễn Thanh T và anh Hà Văn K.

Chị Nguyễn Thanh T có các quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với cháu dự định đặt tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 10/01/20xx theo Giấy chứng sinh số 00000xx/23 quyển số 23 của Bệnh viện G ngày 15/01/20xx theo quy định của pháp luật.

2.4 Về chi phí tố tụng: Đã thực hiện xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh K xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6 Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm sung ngân sách nhà

nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002491 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

**** Nơi nhận*:**
- Đương sự;
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
-VKSND thành phố Thái Nguyên;
-Chi cục THA dân sự TP. Thái Nguyên;
-UBND xã Đ, TPTN;
- Lưu: VP, HS.

Chu Thị Bích Hiền